

CÔNG GIÁO Ở KON TUM: HỘI NHẬP ĐỂ BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA¹

TS. Lê Đức Hạnh
Viện Dân tộc học
Email: duchanh05@gmail.com

Tóm tắt: Từ giữa thế kỷ XIX, các giáo sĩ phương Tây bắt đầu truyền bá Công giáo đến Kon Tum của Việt Nam. Ban đầu, họ gặp nhiều khó khăn do bất đồng ngôn ngữ cùng với sự khác biệt về đức tin, văn hóa, xung đột giữa tín ngưỡng truyền thống đa thần với tín ngưỡng độc thần của Công giáo. Song, bằng nhiều hình thức khác nhau, các giáo sĩ phương Tây đã hội nhập Công giáo với văn hóa các dân tộc tại chỗ trên các lĩnh vực ngôn ngữ, âm nhạc, lối sống, thờ cúng tổ tiên..., để hình thành nên văn hóa Công giáo mới mang đậm yếu tố địa phương trong vùng đồng bào. Sự hội nhập văn hóa Công giáo ở Kon Tum nói riêng và vùng Tây Nguyên chính là quá trình bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa mang tính di sản của đồng bào các dân tộc nơi đây.

Từ khóa: Công giáo, hội nhập, bảo tồn di sản, văn hóa, Kon Tum.

Abstract: Since the mid-19th century, Western missionaries began disseminating Catholicism in Kon Tum, Vietnam. Initially, they encountered numerous difficulties due to language barriers, differences in faith and culture, and conflicts between traditional polytheistic beliefs and the monotheistic faith of Catholicism. However, through various methods, Western missionaries integrated Catholicism with the cultures of local ethnic groups across domains such as language, music, lifestyle, and ancestor worship, thereby forming a new Catholic culture strongly imbued with local elements in the ethnic minority region. This cultural integration in Kon Tum, in particular, and more broadly in the Central Highlands, constitutes a process of preserving and promoting the cultural values of the ethnic communities' heritage in this area.

Keywords: Catholicism, integration, heritage preservation, culture, Kon Tum.

Ngày nhận bài: 10/2/2025; ngày gửi phản biện: 9/3/2025; ngày duyệt đăng: 25/3/2025.

¹ Bài viết là kết quả của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (2025-2026): “Biến đổi văn hóa trong cộng đồng dân tộc Ba-na theo Công giáo ở tỉnh Kon Tum từ 1986 đến nay” do TS. Lê Đức Hạnh làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì.

Mở đầu

Tỉnh Kon Tum có 43 tộc người sinh sống, trong đó có 7 dân tộc tại chỗ gồm: Gia-rai, Ba-na, Xơ-đăng, Giẻ-Triêng, Brâu, Rơ-măm, Hrê. Ngoài ra, còn có các dân tộc từ miền Bắc di cư vào như: Tày, Nùng, Thái, Mường, Thổ, Sán Dìu, Sán Chay, Hmông, Dao, Lào...; từ miền Trung có các dân tộc: Cơ-tu, Bru-Vân Kiều, Cơ-ho, Tà-ôi...; từ miền Nam có hai dân tộc là Hoa, Khmer (Khơ-me). Về tôn giáo, Kon Tum hiện có 5 tôn giáo là Công giáo, Phật giáo, Tin lành, Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo với số lượng tín đồ chiếm gần một nửa dân số toàn tỉnh (232.567 tín đồ), trong đó phần lớn là người dân tộc thiểu số (DTTS) (Ngô Đức Hải, 2022). Kon Tum có nhiều di sản văn hóa có từ lâu đời như: Lễ cưới truyền thống của người Ba-na; dân ca của dân tộc Xơ-đăng; lễ cưới cổ truyền và lễ làm chuồng trâu của dân tộc Xơ-đăng (nhóm Mơ-nâm); nghề dệt thổ cẩm, lễ đan lát và lễ bắc máng nước của dân tộc Xơ-đăng (nhóm Xơ-teng); nghề dệt thổ cẩm của người Giẻ-Triêng; lễ bỏ mả, lễ mừng lúa mới và lễ cưới truyền thống của người Rơ-măm; nghề dệt thổ cẩm truyền thống và lễ hội mừng lúa mới của dân tộc Brâu; lễ Cầu an - *Kâm bul* của người Gia-rai;... Đặc biệt phải kể đến Cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa nhân loại (25/11/2005) đã đóng vai trò như một trong những di sản văn hóa đặc biệt đối với đời sống của cộng đồng. Cồng chiêng Tây Nguyên nói chung, cồng chiêng ở Kon Tum nói riêng được cộng đồng giữ gìn, phát huy các giá trị, trong đó có vai trò của những tín đồ DTTS là người Công giáo.

Bằng cách tiếp cận liên ngành tôn giáo học, nhân học, văn hóa học, lịch sử cùng với việc phân tích các tài liệu thứ cấp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đã công bố của các nhà nghiên cứu đi trước gồm các giáo sĩ, thừa sai, các nhà thám hiểm..., kết hợp với tư liệu thu thập từ khảo sát thực tế của tác giả trong nhiều năm tại Kon Tum và các tỉnh Tây Nguyên, bài viết tập trung làm rõ sự hội nhập của Công giáo với văn hóa địa phương truyền thống của đồng bào các DTTS, thể hiện quá trình bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa trong sinh hoạt Công giáo ở tỉnh Kon Tum. Qua đó nghiên cứu cho thấy những đóng góp quan trọng của Công giáo trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, góp phần phát triển bền vững ở Kon Tum.

1. Giới thiệu về Công giáo ở Kon Tum

Nói đến Công giáo ở Kon Tum là nói tới đạo Công giáo ở tỉnh này nói chung và Giáo phận Kon Tum nói riêng. Hiện nay, Giáo phận Kon Tum nằm trên địa giới hành chính của 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum, với tổng diện tích 25.510km² (Đặng Luận, 2012, tr. 2). Dân số của tỉnh Gia Lai là 1.513.847 người, dân số của tỉnh Kon Tum là 540.438 người (Tổng cục Thống kê, 2020, tr. 30), trong đó theo thống kê của Tòa Giám mục Giáo phận Kon Tum, tính đến năm 2023, Giáo phận Kon Tum có tổng số 396.040 tín hữu với dân tộc Kinh là 108.834 người, DTTS tại chỗ là 287.206 người (Văn Phòng Tổng Giám mục Giáo phận Kon Tum, 2024). Qua đó có thể thấy, tín đồ giáo dân Công giáo ở Kon Tum chiếm số lượng đáng kể so với tổng dân số của cả hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum.

Tính đến thời điểm năm 2023, Giáo phận Kon Tum có 11 giáo hạt, cụ thể Miền Kon Tum có 4 giáo hạt và Miền Pleiku 7 giáo hạt. Giáo phận này hiện có 7 nhà Mồ côi nuôi dưỡng

757 em, trong đó Kon Tum có 6 nhà và nuôi tới 718 em, Gia Lai có 1 nhà nuôi 39 em. Riêng nhà Mẫu giáo, Kon Tum có 7 nhà với 563 em, Gia Lai có 13 nhà với 2.453 em, tức là cả Giáo phận Kon Tum có 20 nhà Mẫu giáo trông giữ 3.016 em. Bên cạnh đó, Giáo phận Kon Tum còn có 20 nhà Trẻ Làng với 1.038 em, bao gồm Kon Tum có 4 nhà và 290 em, Gia Lai có 16 nhà và 748 em. Ngoài ra, Giáo phận này có thêm 68 nhà Nội trú với 3.147 em, trong đó Kon Tum có 30 nhà với 1.287 em, Gia Lai có 38 nhà với 1.860 em (Văn phòng Tổng Giám mục Giáo phận Kon Tum, 2024). Theo số liệu cập nhật từ Văn phòng Tòa Giám mục Giáo phận Kon Tum ngày 19/03/2024 thì Giáo phận Kon Tum có tổng số 739 tu sĩ nam và nữ, trong đó có 685 tu sĩ nữ và 54 tu sĩ nam. Các tu sĩ nam nữ này tu hành ở 40 Dòng, Tu hội, cụ thể là 28 dòng Nữ và 12 dòng Nam đang hoạt động, bao gồm: Dòng Ảnh phép lạ, Dòng Chúa quan phòng, Dòng Mến Thánh giá Quy Nhơn, Dòng Nữ tử Bác Ái Vinh Sơn, Dòng Con Đức Mẹ vô nhiễm, Dòng Thánh Phaolô thành Chartres và Dòng Chúa Cứu Thế... (Tòa Giám mục Giáo phận Kon Tum, 2024).

2. Bối cảnh hội nhập Công giáo với tín ngưỡng địa phương truyền thống ở Kon Tum

Sau khi xâm chiếm vùng đất Tây Nguyên Việt Nam, thực dân Pháp đã tìm mọi cách để chinh phục các tộc người tại chỗ ở nơi đây, trong đó có việc truyền bá tôn giáo mới. Từ năm 1848, các thừa sai Paris (MEP) đã truyền đạo Công giáo lên vùng đất này, mà Kon Tum là điểm đầu tiên. Thời kỳ đầu truyền giáo lên Kon Tum, các giáo sĩ Công giáo đã gặp phải sự phản kháng quyết liệt của người DTTS tại chỗ bởi sự khác biệt về văn hóa, tín ngưỡng địa phương truyền thống của đồng bào. Ban đầu, do nguyên tắc truyền giáo từ Hội nghị tôn giáo tại Gò Thị (huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định năm 1841) là “cấm tất cả các giáo dân ở vùng Chăm, Nam Kỳ và Nam Vang treo trong nhà ảnh tượng các con vật mà quan niệm của người tại chỗ coi là linh thiêng... Các nghi lễ cưới xin bản xứ bị coi là dị đoan” (Nguyễn Quang Hưng, 2009, tr. 22-224), đã dẫn đến những thất bại trong truyền giáo. Khi tiếp xúc với văn hóa địa phương truyền thống, các giáo sĩ ngoại quốc đã rất ngỡ ngàng trước nền văn hóa hoàn toàn khác lạ với văn hóa phương Tây. Trong khi đó, khi tiếp xúc với các thừa sai, đồng bào DTTS cũng tỏ thái độ ái ngại và cảnh giác (Piere Dourisboure, 2008, tr. 67). Tuy nhiên, sau những thất bại ban đầu, các giáo sĩ ngoại quốc đã tìm ra nhiều cách thức nhằm xóa đi sự khác biệt, tạo nên sự gần gũi giữa dân làng với các giáo sĩ. Trong đó, những hình thức chủ yếu được sử dụng là kết nghĩa cha con, anh em; gây thiện cảm với các nhân vật có uy tín trong làng²; học và nói tiếng địa phương; tìm cách thích nghi trong sinh hoạt, ăn uống; giúp người dân xóa bỏ các hủ tục; làm trung gian hòa giải khi hai làng hiềm khích với nhau.

² Phương cách đơn giản nhưng mang lại hiệu quả lớn và bất ngờ trong công cuộc truyền giáo là việc kết nghĩa anh em, cha con giữa các giáo sĩ với các nhân vật có uy tín trong cộng đồng DTTS. Với người Ba-na, việc kết nghĩa giữa hai người với nhau, bao gồm kết nghĩa cha con (Krao bả con), kết nghĩa mẹ con (Krao me con), kết nghĩa anh em (Krao po păn)... , kết nghĩa giữa hai cộng đồng hoặc hai cá nhân thường ghi nhận một sự kiện vui buồn nào đó, nhằm tăng cường đoàn kết và làm cho mỗi bên mạnh hơn, tốt hơn trong cuộc sống. Người cùng kết bạn ở khác làng, sau khi kết bạn mới được phép bước qua cổng làng Ba-na, vì theo tập quán hai người kết bạn được coi như anh em. Tiêu biểu cho việc kết nghĩa anh em trong quá trình truyền giáo lên Kon Tum là việc kết nghĩa anh em giữa Bok Khiêm và Thầy Sáu Do (xem thêm Bùi Minh Đạo, 2006; Đặng Nghiêm Vạn chủ biên, 1981).

Đây là sự hội nhập và thích nghi bước đầu của Công giáo với văn hóa các DTTS tại khu vực truyền giáo Kon Tum. Sự thích nghi này cũng là nền móng cho việc bảo tồn các di sản văn hóa trong đồng bào DTTS tại chỗ ở Kon Tum với Công giáo mà trước tiên phải kể đến vai trò của các thừa sai phương Tây. Nhìn chung, những thích nghi ban đầu với văn hóa bản địa đã giúp các thừa sai ngoại quốc vượt qua khó khăn, thiếu thốn, bệnh tật, sự thờ ơ của người dân. Dần dần, mối quan hệ giữa cá nhân phát triển thành mối quan hệ cộng đồng. Nhờ đó, các thừa sai đã xây dựng được cộng đồng Kitô hữu trong một làng hoàn toàn ngoại giáo, như làng Kon Kơ Xâm - một trong những trung tâm Công giáo đầu tiên ở Kon Tum (Bùi Minh Đạo, 2006, tr. 104; Đặng Nghiêm Vạn chủ biên, 1981, tr. 138). Bên cạnh đó, việc học ngôn ngữ địa phương cũng đã giúp các thừa sai ngoại quốc dễ dàng tiếp xúc, tạo sự gần gũi, thu hẹp dần khoảng cách về chủng tộc. Đến năm 1852, các giáo sĩ đã biên soạn kinh sách Công giáo bằng tiếng Ba-na và Xơ-đăng. Đây được coi là bước ngoặt quan trọng trong sự hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa địa phương truyền thống, tức văn hóa bản địa trong quá trình truyền giáo, phát triển Công giáo khu vực DTTS ở Kon Tum nói riêng, vùng Tây Nguyên nói chung. Cứ như vậy, bằng những việc làm cụ thể trong đời sống hàng ngày, cũng như những hành động chi tiết trong đời sống tâm linh, các giáo sĩ Công giáo đã dần đưa văn hóa Công giáo hội nhập, đan xen vào trong văn hóa địa phương truyền thống của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên. Trải qua quá trình phát triển, văn hóa Công giáo ngày càng hội nhập mạnh mẽ với văn hóa địa phương truyền thống, hình thành văn hóa Công giáo tộc người ở Kon Tum, góp phần vào việc bảo tồn các di sản văn hóa truyền thống nơi đây.

3. Hội nhập và bảo tồn văn hóa vật thể

Khi nói về vai trò của Công giáo trong bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa ở Kon Tum, không thể không nói đến quá trình hội nhập của Công giáo với văn hóa địa phương truyền thống hay còn gọi là văn hóa bản địa, cả về văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Đối với lĩnh vực văn hóa vật thể, sự thích nghi, hội nhập và tiếp biến với văn hóa truyền thống tộc người tại chỗ của văn hóa Công giáo được thể hiện rất rõ ở kiến trúc. Qua khảo sát thực địa cho thấy, kiến trúc của Công giáo ở Việt Nam tập trung chủ yếu vào nhà thờ với những hình thức khá đa dạng. Song, có thể quy về hai phong cách kiến trúc, đó là kiến trúc theo phong cách châu Âu (còn gọi là nhà thờ Tây) và kiến trúc theo phong cách Việt Nam (dân gian quen gọi là nhà thờ Nam). Khi du nhập vào Kon Tum, kiến trúc nhà thờ Công giáo đã hội nhập với văn hóa địa phương truyền thống tiêu biểu được phản ánh qua nhà thờ chính tòa Kon Tum, một công trình kết hợp hài hòa giữa kiến trúc phương Tây và phong cách nhà sàn của người Ba-na. Trong khi, các nhà thờ, nhà nguyện xây dựng những năm gần đây cũng mô phỏng theo mô típ kiến trúc nhà rông, chẳng hạn như Nhà thờ xứ Đăk Mốt ở xã Đăk Mốt, huyện Ngọc Hồi; Nhà thờ xứ Kon Xâm Lũ thuộc xã Đăk Tô Re, huyện Kon Rẫy...

Bên cạnh đó, sự hội nhập văn hóa Công giáo vào văn hóa địa phương truyền thống của các DTTS tại chỗ ở Kon Tum còn thể hiện đậm nét ở các họa tiết hoa văn trên cung thánh vách gỗ, sơn son thiếp vàng. Cụ thể, các vòm trên Cung thánh hoặc hông nhà được tô đắp trong

nhà thờ Tây để đặt tượng Thiên Chúa, tượng Đức Mẹ Maria, tượng các thánh. Ở nhiều nhà thờ Nam được làm bằng gỗ, chạm trổ hoa lá cầu kỳ và được sơn son thếp vàng nên dân gian quen gọi là các tòa vàng, theo đó trên Cung thánh nhà thờ Công giáo thường có tòa vàng chính được thiết kế to hơn. Điểm đáng lưu ý nữa là ở các nhà thờ Công giáo khu vực Kon Tum, nơi cất giữ Minh Thánh Chúa thường được làm theo mô hình nhà Rông thu nhỏ và được đặt trang trọng trên Cung thánh. Cung thánh nhiều nhà thờ ở Kon Tum được trang trí theo phong cách dân tộc, nhà tạm là mô hình nhà Rông thu nhỏ; tượng nhà mồ được cách điệu trang trí trong và ngoài nhà thờ để làm bớt đi những nét phương Tây nhưng lại đậm nét địa phương truyền thống, khiến nó trở thành ngôi nhà chung thân thương của cộng đồng dân tộc tại chỗ.

Đặc biệt, hình tượng thánh mẫu Maria tay âu yếm bồng Chúa Hài đồng là hình ảnh dễ nhận biết ở các nhà thờ Công giáo. Tuy vậy, khi hiện diện ở vùng đồng bào các DTTS Tây Nguyên, hình tượng Maria cũng đã được địa phương hóa trở thành hình tượng thánh mẫu gần gũi hơn với người địa phương. Thánh mẫu Maria ở Kon Tum là hình ảnh một người Mẹ với trang phục dân tộc Ba-na, lưng đeo gùi, tay bồng Chúa Hài đồng³. Rõ ràng, sự xuất hiện của nhà thờ Công giáo ở Việt Nam đã đưa đến những hình thức kiến trúc mới, vật liệu xây dựng mới, nhưng ở vùng Tây Nguyên nói chung và Kon Tum nói riêng là kiến trúc theo lối nhà rông, vật liệu gỗ. Các tu viện, nhà thờ và trường học Công giáo tại Kon Tum thường sử dụng vật liệu địa phương và mang phong cách truyền thống, giúp bảo tồn nghệ thuật kiến trúc văn hóa địa phương truyền thống. Người thợ Việt Nam tiếp cận với lối kiến trúc gôgích được đưa nguyên mẫu từ phương Tây. Song, những người thợ tài hoa này không xây dựng theo nguyên mẫu phương Tây mà dựa vào đó để tạo ra những kiểu dáng mới, có thể là gôgích biến thể hay giản lược, cũng có khi là lối kiến trúc giao thoa “vỏ Tây, ruột Nam”. Có thể thấy, nhà thờ Nam Công giáo là một sáng tạo trong kiến trúc của Công giáo Việt Nam, là tư liệu sống động về sự hội nhập văn hóa, cũng chính là bảo tồn di sản văn hóa vật thể, trong đó chứa đựng nhiều yếu tố phi vật thể không dễ bóc tách, mà vai trò của người Công giáo là rất lớn. Nhà thờ Công giáo Việt Nam - một loại hình văn hóa vật chất, chứa đựng nhiều yếu tố tôn giáo, vì vậy đã có một vị trí nhất định trong kho tàng văn hóa dân tộc Việt Nam (Nguyễn Hồng Dương, 2013, tr. 235).

4. Hội nhập và bảo tồn văn hóa phi vật thể

Tỉnh Kon Tum hiện nay có hơn 200 di sản văn hóa phi vật thể trên nhiều lĩnh vực khác nhau của các dân tộc tại chỗ. Tuy nhiên, dưới đây chỉ đề cập tới một số lĩnh vực mà Công giáo đã hội nhập để bảo tồn các loại hình di sản của các DTTS tại chỗ, trong đó có những yếu tố về ngôn ngữ, âm nhạc, lối sống đạo trong hôn nhân, tang ma và thờ cúng tổ tiên.

Một trong những đóng góp quan trọng của Công giáo ở Việt Nam trên lĩnh vực văn hóa phi vật thể là ngôn ngữ. Để hoạt động truyền giáo có hiệu quả, các thừa sai ngoại quốc đã Latinh hóa tiếng Việt, từ đó tạo ra cho người Việt một loại văn tự mới được gọi là chữ Quốc

³ Hình tượng Thánh mẫu Maria trong hội nhập với văn hóa truyền thống của tộc người còn thấy ở nhiều nơi như tượng Đức Mẹ Maria mặc áo dài truyền thống của người Việt ở Kim Sơn (Ninh Bình), tượng Đức Mẹ Maria mặc trang phục người Chăm ở Bình Thuận...

ngữ mới. Sở dĩ gọi như vậy là vì trước đó cha ông ta đã Việt hóa chữ Hán, tạo ra chữ Nôm cũng được gọi là chữ Quốc ngữ. Đối với đồng bào DTTS tại chỗ trên địa bàn Kon Tum, các giáo sĩ ngoại quốc buộc phải học tiếng địa phương để phục vụ cho công cuộc truyền giáo. Trong giai đoạn đầu, việc học ngôn ngữ DTTS vùng Tây Nguyên của các thừa sai gặp nhiều khó khăn. Do không có người hướng dẫn, không có phương tiện hỗ trợ, họ phải tự học bằng cách mỗi sáng sớm hay chiều tối đến nhà rông của làng để ghi lại từng từ vựng bằng cách hỏi trực tiếp dân làng. Sau đó, họ gộp lại với nhau để so sánh, tìm ra cách phát âm chuẩn nhất. Cứ như vậy, họ đã ghi chép được nhiều từ ngữ thông dụng của người địa phương.

Từ những cách khảo cứu như trên, đến năm 1852, các giáo sĩ ngoại quốc đã biên soạn kinh sách Công giáo bằng tiếng Ba-na và Xơ-đăng. Từ khi nói được tiếng địa phương, các giáo sĩ trở nên gần gũi, thân thiết giống như người của buôn làng. Qua đó, ngôn ngữ trở thành một công cụ hữu hiệu trong truyền giáo ở Tây Nguyên, vì vậy bất cứ giáo sĩ nào đến vùng đất này, việc ưu tiên hàng đầu là học ngôn ngữ (Piere Dourisboure, 2008, tr. 93-97). Cho đến nay, giáo hội Công giáo khu vực Kon Tum không chỉ biên soạn, in ấn nhiều kinh sách bằng tiếng Ba-na, Xơ-đăng, mà còn cho biên soạn, phát hành nhiều từ điển như Từ điển Việt - Ba-na, Việt - Ê-đê, Việt - Xơ-đăng..., trong đó có nhiều thuật ngữ Công giáo. Với những nỗ lực miệt mài của các giám mục, linh mục, nữ tu, đặc biệt là đội ngũ các giáo phụ tức là thầy giảng dạy người DTTS, Giáo hội Công giáo tại Kon Tum còn mở thêm nhiều lớp để dạy đọc, dạy viết, dạy giáo lý cùng các tín điều Công giáo cho đồng bào DTTS. Bên cạnh đó, họ cũng dạy cho đồng bào DTTS những làn điệu thánh ca, múa xoang, các câu thơ, về đậm chất văn hóa tộc người nơi này. Đây có thể coi là một trong những đặc điểm nổi bật của sự hội nhập và bảo tồn giá trị văn hóa địa phương mang tính tiêu biểu của văn hóa Công giáo đối với di sản truyền thống của các DTTS tại chỗ Tây Nguyên trong lĩnh vực ngôn ngữ - một loại hình văn hóa phi vật thể được Công giáo chú trọng bảo tồn và phát huy.

Trong lĩnh vực âm nhạc, khi nhắc đến Tây Nguyên hay Kon Tum thì không thể không nhắc đến văn hóa cồng chiêng, bởi đây là một không gian văn hóa rộng lớn bao trùm toàn bộ 5 tỉnh Tây Nguyên. Chủ nhân loại hình văn hóa đặc sắc này là cư dân các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên như: Ba-na, Xơ-đăng, Mnông, Cơ-ho, Rơ-măm, Ê-đê, Gia-rai... Ở Kon Tum, cùng với đàn *T'rưng*, *Klông Pút* và *Đinh Tút*, cồng và chiêng là nhạc cụ đặc trưng, tiêu biểu nhất của đồng bào các DTTS tại chỗ. Đây là loại nhạc cụ độc đáo được làm bằng hợp kim đồng, có khi pha vàng, bạc hoặc đồng đen. Về đặc điểm, cồng là loại có núm, chiêng không núm. Đến nay, cồng và chiêng vẫn luôn gắn bó mật thiết trong cuộc sống của người dân Tây Nguyên cũng như người DTTS ở Kon Tum. Cồng và chiêng được coi là phương tiện giao tiếp giữa con người với các đấng siêu nhiên, biểu hiện của tín ngưỡng cổ truyền, các nghi lễ, lễ hội trong năm, từ lễ thổi tai cho trẻ sơ sinh, cúng máng nước, lễ mừng cơm mới, lễ đóng cửa kho..., cho đến lễ đâm trâu, lễ bỏ mả hay trong một buổi nghe *khan*..., đều phải có tiếng cồng chiêng để kết nối những con người trong cùng một cộng đồng. Tiếng cồng chiêng cùng các điệu múa, hát dân ca hay kể chuyện dân gian còn là hình thức sinh hoạt cộng đồng, phục vụ cho các nghi lễ tôn giáo và trong tất cả các lễ hội truyền thống của các DTTS ở Kon Tum và Tây Nguyên.

Từ khi được tiếp nhận, Công giáo đã hội nhập với văn hóa cộng chiêng đặc sắc của cư dân Tây Nguyên qua nhiều hình thức. Tại các xứ đạo Công giáo ở Kon Tum, các linh mục đều thành lập các đội cộng chiêng của giáo xứ, như đội cộng chiêng xứ Phương Quý, xứ Kon Robang, Kon Rohai, Kon Xomluh... Vào các dịp hội xuân, lễ hội cộng chiêng, liên hoan âm nhạc cấp huyện, tỉnh..., các đội cộng chiêng của các xứ đạo đều tham gia tích cực trong các liên hoan âm nhạc của cộng đồng. Đáng lưu ý trong hội nhập, bảo tồn văn hóa Công giáo với văn hóa địa phương truyền thống là việc các linh mục đã sử dụng cộng chiêng trong Phụng vụ của Giáo hội Công giáo. Đi liền với cộng chiêng là các điệu múa được cách điệu và sử dụng cho dâng lễ, dâng hoa vào các dịp như tháng hoa Đức Mẹ, lễ Thánh quan thầy, lễ Giáng sinh và trong các sinh hoạt tôn giáo của Ca đoàn vào các dịp lễ trọng... Rất nhiều bài thánh ca, thánh vịnh do được phổ nhạc dân tộc với các nhạc cụ như cộng, chiêng, *T'rung*, *Đinh Tùk*, *Ting Ninh* nên khi biểu diễn luôn thể hiện đậm nét âm hưởng nhạc điệu Tây Nguyên. Vào các dịp như: khánh thành nhà thờ, phong chức Giám mục, linh mục hoặc khi linh mục về nhận xứ, rước kiệu, khi giám mục kinh lý hay thực hiện thánh lễ ở giáo xứ, giáo họ..., cộng chiêng được đánh để thể hiện sự tôn vinh Thiên Chúa và tạo bầu không khí trang trọng, nhưng không kém phần sôi nổi để chào đón các sự kiện quan trọng của cộng đồng Công giáo. Các linh mục Công giáo còn sử dụng các làn điệu dân ca của các DTTS như hát *xoi*, hát *Thri* vào thánh lễ. Vì thế, những bài thánh ca mang âm hưởng dân ca Ba-na vừa dễ hát, dễ thuộc, vừa phù hợp với tâm thức tộc người này. Nhìn chung, tiếng âm vang trầm hùng, thánh thót của dàn chiêng đồng, hòa trong muôn giọng hát Thánh ca bằng ngôn ngữ dân tộc cùng các vũ điệu xoang với trang phục của các dân tộc là minh chứng thể hiện sự giao thoa, hội nhập, bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương truyền thống của Công giáo vùng đất Tây Nguyên.

Bên cạnh đó, trong việc hội nhập và bảo tồn lối sống đạo Công giáo thì hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa Việt Nam tiêu biểu nhất là ở tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Thờ cúng tổ tiên được xem là một trong nhiều nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam, thông qua những sinh hoạt không thể thiếu đối với các gia đình như kinh nguyện hàng ngày, dịp lễ tết, giỗ chạp, tháng cầu cho các linh hồn, trong đám cưới, đặc biệt là trong tang ma. Tục thờ cúng tổ tiên, người Công giáo thường gọi là *tôn kính/kính nhớ tổ tiên*, đã thực sự ăn sâu vào đời sống xã hội và tâm thức người Công giáo ở Việt Nam. Vào tháng *lễ các đấng*, tức tháng 11 Dương lịch hàng năm và ngày mùng 2 Tết Nguyên đán hàng năm, Giáo hội Công giáo Việt Nam có truyền thống cử hành lễ ngoại lịch: kính nhớ tổ tiên và ông bà cha mẹ. Đa phần các giáo xứ cử hành Thánh lễ này trong nhà thờ bởi trong đó có bàn thờ tổ tiên, với màu phụng vụ trắng hay vàng theo lịch Phụng vụ Công giáo.

Rõ ràng, đây là dịp thể hiện rõ nét vai trò hội nhập, bảo tồn văn hóa địa phương truyền thống của Giáo hội Công giáo Việt Nam nói chung và Công giáo ở Kon Tum nói riêng. Trong những dịp này và nhiều dịp lễ hội khác như lễ hội mừng lúa mới, mừng nhà rông mới, thánh lễ hôn phối trong nhà thờ, tang lễ..., các nhà thờ Công giáo ở Kon Tum cũng như ở nơi khác đều tổ chức các nghi lễ trang trọng, trong đó các yếu tố, nghi lễ Công giáo hòa quyện với các yếu tố văn hóa địa phương truyền thống, làm cho các nghi lễ diễn ra vừa trang nghiêm, vừa

gắn gũi với bà con giáo dân, thể hiện rõ nét sự hội nhập và bảo tồn các yếu tố văn hóa địa phương truyền thống của Công giáo trong vùng đồng bào DTTS ở Kon Tum.

Kết luận

Từ khi truyền giáo lên khu vực đồng bào DTTS ở Kon Tum, các giáo sĩ phương Tây và sau này là các linh mục người Việt, các giáo phu..., đã chú trọng hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa địa phương truyền thống. Đó là nền tảng cho việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa của các tộc người cũng như văn hóa Việt Nam. Kinh nghiệm truyền giáo trong đồng bào DTTS ở Kon Tum và Tây Nguyên cho thấy, Công giáo không có bất kỳ công thức chung nào để “gieo hạt giống Phúc Âm” vào nơi đây. Các giáo sĩ từ thực tế đã có những cách thức riêng để hội nhập vào các cộng đồng cư dân với thời gian dài để tiếp xúc, thay đổi nhận thức và tạo nên mối quan hệ hai chiều. Trong đó, dấu ấn văn hóa cả vật chất và tinh thần của các tộc người được giữ lại, tiếp biến qua lăng kính của Công giáo. Trong số hơn 200 di sản văn hóa phi vật thể của các DTTS ở Kon Tum⁴, hiện nay tỉnh này đã tổ chức bảo tồn nhiều loại hình như phục dựng nghề dệt thổ cẩm của các dân tộc Xơ-đăng, Giê-Triêng, Ba-na, Brâu; phục dựng nhiều lễ hội truyền thống gồm lễ cưới của dân tộc Ba-na và dân tộc Rơ-măm, lễ bỏ mả và lễ mừng lúa mới của dân tộc Rơ-măm, lễ làm chuồng trâu của dân tộc Xơ-đăng nhánh Mơ-nâm, lễ cúng làng của dân tộc Brâu, lễ bắc máng nước của dân tộc Xơ-đăng nhóm Xơ-teng (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI, 2022),... Sau khi phục dựng, các lễ hội tiêu biểu này được các dân tộc tại chỗ ở Kon Tum duy trì, tự tổ chức theo chu kỳ hàng năm tại các cộng đồng dân cư với quy mô phù hợp hoàn cảnh và điều kiện. Đóng góp vào kết quả này có một phần công sức của Công giáo trong vấn đề bảo tồn.

Hiện nay “yếu tố “thiêng” của công chiêng với vai trò là phương tiện giao tiếp với thần linh theo tín ngưỡng đa thần trong đời sống tâm linh của đồng bào đang dần đời thường hóa nên có nguy cơ mất dần các bài chiêng cổ có giá trị như đánh giá của nhiều nhà khoa học (Trần Vĩnh, 2010). Đó là mất dần nghệ thuật diễn tấu, hòa âm đúng bài bản, bởi lớp người lớn tuổi dần qua đời mà không kịp trao truyền lại. Nếu chỉ còn những bài bản chiêng “hội” mà không còn những bài bản chiêng “lễ” và những bài bản chiêng cổ truyền thì văn hóa công chiêng sẽ trở nên thiếu vắng linh hồn, thực sự báo động về việc những giá trị phi vật thể của công chiêng có nguy cơ mai một. Trong khi, nội dung chính được UNESCO công nhận là di sản văn hóa của nhân loại lại là phần phi vật thể, tức những bài bản chiêng cổ truyền cùng tiết tấu, giai điệu, thang âm, điệu thức, nghệ thuật diễn tấu, phương pháp truyền khẩu..., đó

⁴ Theo kết quả điều tra của ngành văn hóa tỉnh Kon Tum, hiện có trên 200 di sản văn hóa phi vật thể đang còn duy trì trong các thôn/làng trên địa bàn tỉnh: huyện Kon Plông có 31 di sản văn hóa phi vật thể còn duy trì thường xuyên trong cộng đồng làng (Xơ-đăng nhóm Mơ-nâm: 7; Xơ-đăng nhóm Ca-dong: 20; H'rê: 4); huyện Kon Rẫy có 33 di sản còn duy trì (Xơ-đăng nhóm Tơ-đrá: 17; Ba-na nhóm Rơ-ngao: 16); huyện Sa Thầy có 67 di sản (Gia-rai: 18; Ba-na: 13; Rơ-măm: 20; Xơ-đăng nhóm Ha-lăng: 16); thành phố Kon Tum còn 17 di sản (Gia-rai: 7; Ba-na: 5; Giê: 5); huyện Đắk Hà còn 10 di sản (Ba-na: 02; Xơ-đăng: 8); huyện Đắk Tô còn 30; huyện Tu Mơ Rông còn 15; huyện Đắk Glei còn 15; huyện Ngọc Hồi còn 20 di sản của 3 dân tộc là Xơ-đăng; Giê-Triêng, Brâu.

chính là phần hồn của văn hóa công chiêng. Bởi vậy, việc sử dụng công chiêng trong thánh lễ của Công giáo càng có ý nghĩa đối với vai trò bảo tồn di sản văn hóa, tạo ra một “không gian văn hóa công chiêng” mới trong phát triển bền vững về văn hóa. Từ đó, văn hóa công chiêng thực sự mang tính cộng đồng, gắn với tự nhiên, với kết cấu văn hóa làng và các lễ thức, nghi lễ truyền thống cùng nghi lễ Công giáo, đặt nó trong không gian văn hóa Công giáo và không gian văn hóa dân gian của đời sống cộng đồng các DTTS. Có thể nói, đạo Công giáo, trong quá trình hội nhập đã và đang bảo tồn rất tốt khi đưa công chiêng vào nghi thức phụng vụ, góp phần giúp cho đồng bào DTTS - chủ nhân Không gian văn hóa Công chiêng, thấy rõ hơn giá trị loại hình di sản văn hóa này để phát huy giá trị của nó trong đời sống, bảo đảm trường tồn với thời gian.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hồng Dương (2013), *Tôn giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI (2022), Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 16/02/2022 “Về bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ đến năm 2025, định hướng 2030”.
3. Bùi Minh Đạo (2006), *Dân tộc Ba Na ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Ngô Đức Hải (2022), *Công tác quản lý và thực hiện chính sách tôn giáo trên địa bàn tỉnh ta*, trên trang: <https://www.tuyengiaokontum.org.vn/thong-tin-tuyen-truyen/cong-tac-quan-ly-va-thuc-hien-chinh-sach-ton-giao-tren-dia-ban-tinh-ta-5179.html> (Truy cập ngày 2/1/2025).
5. Nguyễn Quang Hưng (2009), *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802 - 1883)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Đặng Luận (2012), *Truyền giáo và phát triển Công giáo trong vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Kon Tum*, Luận án tiến sĩ Triết học, lưu tại Thư viện Quốc gia và Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Pierre Dourisboure (2008), *Dân làng Hồ*, Nxb. Đà Nẵng.
8. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
9. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1981), *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Văn phòng Tòa Giám mục Giáo phận Kon Tum (2024), *Giới thiệu sơ lược về Giáo phận Kon Tum*, trên trang: <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/gp-kontum-31463> (Truy cập ngày 25/03/2025).